

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **28/2021/HNGĐ-ST**
- Ngày 29 tháng 01 năm 2021
- V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
 - **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.
 - **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Phạm Văn Hợp
 2. Bà Trần Tuyết Nhung
 - **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.
 - **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** **Bà Phạm Thị Kim Trinh** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về: “ *Ly hôn, tranh chấp nuôi con* ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **172/2020/QĐXXST** -HNGĐ ngày **28** tháng **12** năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng L**, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: TLM, xã PC, huyện PD, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh **Phan Thành Tr**, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CL, xã BD, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn xin ly hôn ngày **27/10/2020** và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị **Trần Thị Hồng L** trình bày: Chị và anh Phan Thành Tr tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân xã Bình Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm **2016**. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Tr không lo làm ăn, không phụ chị chăm sóc nuôi dạy con mà thường xuyên uống rượu và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh Tr đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời

gian này vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trần Trung H, sinh ngày 01/02/2017 sống chung với chị. Chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung : Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Phan Thành Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Tr không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị L xin ly hôn với anh. Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: **Chị** Trần Thị Hồng L có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phan Thành Tr địa chỉ ấp CL, xã BĐ, thị xã Gò Công, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chị Trần Thị Hồng L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Thành Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, vì vậy căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Phan Thành Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm **2016** là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hồng L **là có cơ sở bởi thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, chị L cho rằng nguyên nhân do** anh Tr không lo làm ăn, không lo cho vợ con và vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh Tr đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Năm 2019, chị L có nộp đơn xin ly

hôn với anh Tr nhưng đã rút lại đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không đoàn tụ được. Hơn nữa, khi chị L xin ly hôn, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Tr không đến để trình bày ý kiến về việc chị L xin ly hôn, chứng tỏ anh Tr cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị L.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho **chị L** được ly hôn với **anh Tr** là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Trần Trung H, sinh ngày 01/02/2017 đang sống chung với chị L. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị L và anh Tr sống ly thân nhau, cháu H sống với chị L, do chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến môi trường sống của cháu. Hơn nữa qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết chị L làm công nhân có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được trực tiếp nuôi cháu H.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị L yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...” . Như vậy, anh Tr phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định là bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ sở (mức lương cơ sở theo quy định là 1.490.000 đồng/ tháng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: Chị Trần Thị Hồng L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng L.**

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Phan Thành Tr.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Hồng L **được trực tiếp nuôi** 01 con chung tên Phan Trần Trung H, sinh ngày 01/02/2017.

Anh Phan Thành Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Thực hiện việc cấp dưỡng lần đầu ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Hồng L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **0019072** ngày **27/10/2020** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, chị Trần Thị Hồng L đã nộp đủ án phí.

Anh Phan Thành Tr phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng L, anh Phan Thành Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Đông;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU